

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2023

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình - Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến.
2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 528/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T qua thời gian tìm hiểu, quen nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An ngày 31/12/2003.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm gì cho gia đình và vợ con, anh T thường xuyên say xỉn, quậy phá gia đình, chửi mắng vợ con, nhiều lần đuổi chị N ra đường. Chị N nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi, không chịu sửa đổi. Chị N và anh T đã không

còn chung sống cách nay được 05 năm. Trong thời gian sống xa nhau vợ chồng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Quế T, sinh ngày 09/7/2003 và Trần Văn D, sinh ngày 05/12/2004. Hiện tại con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn T là bị đơn trình bày:
Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T nhưng anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị N (bản phô tô)
- Căn cước công dân của Trần Thị Quế T và Trần Văn D (bản sao);
- Sổ hộ khẩu của Trần Văn T (bản phô tô);
- Giấy khai sinh của Trần Văn D (bản phô tô);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Đơn xin xác nhận của Nguyễn Thị N (bản chính);
- Thông báo kết quả phiên họp ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (bản chính);
- Biên bản không tiến hành hòa giải được và biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 09/01/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T, do đó đây là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”. Anh Trần Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại Ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T.

[3] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trần Văn T vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, anh Trần Văn T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tổ chức đám cưới sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An vào ngày 31/12/2003 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chị N và anh T xây dựng được hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, chị N và anh T đã ly thân được 05 năm. Trong thời gian sống xa nhau, chị N và anh T không ai có ý hàn gắn tình cảm với nhau. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong thời gian sống ly thân chị N và anh T không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[5] Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Quế T, sinh ngày 09/7/2003 và Trần Văn D, sinh ngày 05/12/2004. Hiện tại con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Chị N trình bày chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0014661 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014661 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã V;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai

Trần Văn Đô